

NGŨ VĂN 9 - TUẦN 7

Tiết 31, 32

Văn bản : ĐỒNG CHÍ

=== Chính Hữu ===

I. Đọc - tìm hiểu chú thích:

1. Tác giả:

- Chính Hữu (1926 -2007) tên thật là Trần Đình Đắc quê ở huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh.
- Ông là nhà thơ cách mạng, phong cách thơ giản dị. Thơ ông chủ yếu viết về người lính và chiến tranh trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.
- Tập "Đầu súng trăng treo" là tập thơ chính của ông .

2. Tác phẩm:

- a. Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ ra đời đầu năm 1948 thời kỳ đầu của kháng chiến chống Pháp còn đầy khó khăn, gian khổ, in trong tập “ Đầu súng trăng treo” - 1966.
- b. Từ khó: xem chú thích (1), (3).
- c. Thể thơ: tự do.
- d. Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả.
- e. Nội dung: Bài thơ ca ngợi tình đồng đội, đồng chí cao cả, thiêng liêng của các anh bộ đội cụ Hồ - những người nông dân yêu nước mặc áo lính trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- Bố cục: 3 phần

II. Đọc - Tìm hiểu văn bản:

1. Cơ sở của tình đồng chí :

* Nguồn gốc xuất thân:

- + Quê anh: “nước mặn đồng chua” -> nhiễm mặn ven biển, vùng đất phèn, có độ chua cao.
- + Làng tôi: “đất cày sỏi đá ” -> Trung du, miền núi -> đất bạc màu, khô cằn.
- > thành ngữ : vùng đất xấu khó trồng trọt.
- => họ đều là những người nông dân nghèo, chung cảnh ngộ, hoàn cảnh xuất thân, chung giai cấp. Lời giới thiệu như lời trò chuyện tâm tình.
- + “ **Súng bên súng, đầu sát bên đầu**”
- > gắn bó, đồng tâm, đồng lòng để trở thành đôi bạn tâm giao, trở thành đồng đội, đồng chí của nhau.
- => Họ chung mục đích, cùng lí tưởng, chung chiến hào chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ Quốc.

+ **Đôi người xa lạ -> đôi tri kỉ:**

- => Tình đồng chí là sự chia sẻ buồn vui, thiếu thốn, xóa mọi khoảng cách. Từ xa lạ, họ tập hợp nhau lại trong hàng ngũ quân đội cách mạng và trở nên đồng chí, đồng đội của nhau.

+ **Đồng chí !**

- > dòng thơ đặc biệt, là lời phát hiện và khẳng định cội nguồn và sự hình thành tình đồng chí keo sơn của những người lính,
- => 6 câu thơ đầu là nơi hội tụ, kết tinh tình cảm đẹp, tính giai cấp, tình bạn, tình người trong chiến tranh.

2. Những biểu hiện cụ thể của tình đồng chí:

a. Sự cảm thông sâu xa những tâm tư, nỗi lòng thầm kín của nhau

- ruộng nương gửi bạn ...
- gian nhà không -> mặc kệ...
- > thái độ dứt khoát, tự nguyện ra đi vì nghĩa lớn của các anh -> sự hi sinh lớn lao của họ vì non sông đất nước.
- *Giếng nước gốc đa*: tượng trưng cho gia đình, bạn bè, người thân, quê hương, họ luôn dõi theo bước chân hành quân của những người chiến sĩ.
- ...nhớ người ra lính => Nỗi nhớ của người tiền tuyến dành cho người hậu phương -> Mối quan hệ khăng khít, gắn bó giữa hậu phương và tiền tuyến.
- => Hình ảnh hoán dụ, nhân hoá diễn tả quê hương luôn trong tâm trí các anh. Cảm thông, thấu hiểu cuộc sống của nhau: nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, người thân.

b. Sự đồng cam cộng khổ, chia sẻ những khó khăn thiếu thốn của cuộc đời người lính

- Bệnh tật: sốt run, cơn ớn lạnh.
- Thiếu thốn: quân tư trang, thuốc men... áo anh rách vai, quần tôi... vá.
- Chân không giày.
- Thiên nhiên khắc nghiệt.
- > Hình ảnh thơ chân thực mộc mạc, vẽ lên cuộc sống gian khổ, thiếu thốn khó khăn của người lính.
- > Họ sẵn sàng chia sẻ những khó khăn, bất chấp mọi gian lao thiếu thốn của cuộc đời người lính
- Thương nhau tay nắm lấy bàn tay. -> tình đồng chí gắn bó keo sơn, sâu nặng, thấm thiết
- Vẻ đẹp và tình thương chân thành mộc mạc, sự sẻ chia hơi ấm đồng đội, tiếp thêm cho người lính sức mạnh, cũng là lời hứa hẹn lập công.
- ⇒ Nguồn động viên, an ủi, niềm tin, sức mạnh tinh thần để giúp người chiến sĩ vượt qua mọi gian lao, thử thách.

c. Biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí:

- Hiện thực khắc nghiệt của cuộc chiến đấu : sát cánh bên nhau chống kẻ thù => Sự đồng cam cộng khổ, thể hiện tinh thần lạc quan, chủ nghĩa anh hùng cách mạng.
- + 3 hình ảnh gắn kết với nhau là người lính, khẩu súng và vầng trăng.
- “Đầu súng trăng treo” -> hình ảnh thực, lãng mạn và thơ mộng, hình ảnh đẹp gợi sự liên tưởng phong phú: Súng và trăng là gần và xa, thực tại và mơ mộng, chất chiến đấu và chất trữ tình hoà quện, giữa chiến tranh vẫn hiện lên cái thanh bình yên ả của thiên nhiên.
- => Bức tranh đẹp về tình đồng chí.

III. Tổng kết:

1 Nội dung: Bài thơ ca ngợi tình cảm đồng chí cao đẹp giữa những người chiến sĩ trong thời kì đầu kháng chiến chống thực dân Pháp gian khổ.

2 Nghệ thuật:

- + Sử dụng ngôn ngữ bình dị, thấm đượm chất dân gian, thể hiện tình cảm chân thành.
- + Sử dụng bút pháp tả thực kết hợp với lãng mạn một cách hài hòa, tạo nên hình ảnh thơ đẹp, mang ý nghĩa biểu tượng.

*** Ghi nhớ:** (SGK-131)

TIẾT 33 - TẬP LÀM VĂN :

LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ CÓ SỬ DỤNG YẾU TỐ NGHỊ LUẬN

I. Thực hành tìm hiểu yếu tố nghị luận trong đoạn văn tự sự:

• Ví dụ sgk /160:

Câu văn mang yếu tố nghị luận	Vai trò
Câu trả lời của người bạn được cứu: “Những điều viết... trong lòng người.”	- Mang dáng dấp 1 triết lí về cái giới hạn và cái trường tồn trong đời sống tinh thần con người.
Câu kết bài: “vậy mỗi chúng ta... lên đá.”	- Nhắc nhở người ta cách ứng xử có văn hóa trong cuộc sống vốn rất phức tạp. (có yêu thương, hi vọng; nhưng cũng có cả đau buồn, thù hận)

+ **Tác dụng của việc sử dụng yếu tố nghị luận** trong một văn bản tự sự là hỗ trợ cho việc kể, làm cho sự việc thêm sâu sắc, giàu tính triết lí và ý nghĩa giáo dục cao.

+ Yếu tố nghị luận trong một văn bản tự sự là những biểu hiện suy nghĩ, đánh giá, bàn luận.

- Nếu lược bỏ yếu tố nghị luận thì tính tư tưởng của đoạn văn sẽ giảm, do đó ấn tượng về câu chuyện cũng nhạt nhòa.

- **Bài học:** về sự bao dung, lòng nhân ái, biết tha thứ và ghi nhớ ân tình, ân nghĩa.

II. Thực hành viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận:

1. BT1/SGK/trang 161

Viết đoạn văn kể lại buổi sinh hoạt lớp. Trong buổi sinh hoạt ấy, em phát biểu ý kiến của mình về Nam (*Nội dung:* chứng minh Nam là bạn tốt).

* Gợi ý:

a. Buổi sinh hoạt diễn ra ntn? (thời gian, địa điểm, người điều khiển, không khí của buổi sinh hoạt lớp ra sao?)

b. Nội dung buổi sinh hoạt là gì? Em đã phát biểu về vấn đề gì? Tại sao em lại phát biểu về việc đó? Em thuyết phục cả lớp rằng Nam là người bạn tốt ntn? (lí lẽ, VD, lời phân tích...)

2. BT2/ SGK trang 161.

Viết đoạn văn kể về những việc làm hoặc những lời dạy bảo giản dị mà sâu sắc của người bà kính yêu làm cho em cảm động.

* Gợi ý:

a. Người em kể là bà.

b. Người đó đã làm 1 việc hay nói 1 lời nói, 1 suy nghĩ? Điều đó diễn ra trong hoàn cảnh nào?

c. Nội dung cụ thể là gì? Nội dung đó giản dị mà sâu sắc, cảm động ntn?

d. Suy nghĩ về bài học rút ra từ câu chuyện trên?

3. Thực hành: Viết 2 đoạn văn (BT1, BT2/161).

TIẾT 34: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

A. TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG (Luyện tập tổng hợp) SGK /158

1. So sánh dị bản hai bài ca dao. (BT1/158)

- *Gật đầu* (trong dị bản 1) là: cúi đầu xuống rồi ngẩng lên ngay -> để chào hỏi hay tỏ sự đồng ý.
- *Gật gù* (trong dị bản 2) là: gật nhẹ nhiều lần, biểu thị thái độ đồng tình, tán thưởng.
- > Như vậy “gật gù” thích hợp hơn trong việc diễn đạt ý nghĩa của bài ca dao.

(Tuy dùng những món ăn hết sức thanh bần, đạm bạc, nhưng đôi vợ chồng nghèo ăn rất ngon miệng vì họ biết cùng nhau chia sẻ những niềm vui đơn sơ, giản dị trong cuộc sống).

2. Nhận xét nghĩa của từ ngữ. (BT2/158)

- Trong đoạn trích, người vợ không hiểu dụng ý (nghĩa hàm ý) của cách nói “chỉ có một chân sút”.
- + Cách nói này có nghĩa là: cả đội chỉ có một người giỏi có khả năng ghi bàn thôi
- + Người chồng dùng cách nói bằng phép tu từ hoán dụ: Lấy bộ phận để chỉ toàn thể.

3. Xác định nghĩa của từ: (BT3/158)

- Những từ được dùng theo nghĩa gốc trong đoạn thơ là: miệng, chân, tay.
- Những từ được dùng theo nghĩa chuyển:
 - + Vai: phương thức hoán dụ.
- > Gọi tên sự việc: vị trí miếng rách trên tấm áo bằng tên một bộ phận cơ thể mà miếng rách được đặt nơi đó → có quan hệ về vị trí tên gọi.
- + Đầu : phương thức ẩn dụ.
- > Gọi tên vị trí phía trên cao nhất của khẩu súng, bằng tên bộ phận phía trên cùng cao nhất của cơ thể người → có nét tương đồng về nghĩa.)

4. Tìm hiểu cái hay trong nghệ thuật dùng từ. (BT4/ 159)

- Các từ: đỏ (áo), xanh (cây), hồng (ánh lửa): nằm trong trường từ vựng chỉ **màu sắc**.
- Các từ: hồng, lửa, cháy, tro: nằm trong trường từ vựng **chỉ lửa và những sự vật có liên quan đến lửa**.
- > Các từ thuộc 2 trường từ vựng trên có quan hệ rất chặt chẽ với nhau:
- Màu áo đỏ của cô gái thắp lên trong mắt chàng trai (và bao người khác) ngọn lửa.
- Ngọn lửa ấy lan tỏa trong chàng trai, làm anh say đắm, ngất ngây (đến mức có thể cháy thành tro bụi) và lan ra cả không gian, làm không gian cũng biến sắc (Cây xanh như cũng ánh theo hồng). Qua đó, biểu hiện một cách độc đáo tình yêu mãnh liệt và cháy bỏng của chàng trai.

5. Nhận xét cách đặt tên sự vật. (BT5/159)

- Các sự vật, hiện tượng trong đoạn văn được đặt tên theo cách dùng từ ngữ có sẵn với một nội dung mới dựa vào đặc điểm của sự vật, hiện tượng được gọi tên.
 - Dựa vào đặc điểm của sự vật, hiện tượng được gọi tên kên: kên Bọ Mắt, rạch: rạch Mái Giầm.
- Ví dụ:
- Cà tím: cà quả tròn, màu tím, hoặc nửa tím nửa trắng.
 - Cá kiểng: cá cảnh vùng nhiệt đới cỡ nhỏ, đuôi nhọn và dài như cái kiểng.
 - Chè móc câu: chè búp ngon, cánh săn nhỏ, cong như cái móc câu.
 - Than tổ ong: than đóng bánh hình tròn, đục lỗ thông khí như tổ ong.
 - Ong ruồi: ong lấy mật, nhỏ như ruồi.
 - Ớt chỉ thiên: ớt quả nhỏ, chỉ thẳng lên trời.

6. Tìm hiểu ý nghĩa truyện cười. (BT6/159)

- Truyện phê phán thói sính dùng chữ nước ngoài ở 1 số người mắc bệnh khoe chữ, học đòi.

- Chi tiết gây cười: lời nói của ông chồng: đừng gọi bác sĩ...đốc tờ.
- Truyện phê phán thói “sính”, dùng từ nước ngoài của 1 số người: bác sĩ - đốc tờ...
- Cần phải giữ gìn sự trong sáng của TV, tránh vay mượn tùy tiện hoặc lạm dụng.

B. VĂN BẢN : BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH (Phạm Tiến Duật)

1. Đọc văn bản, chú thích:

* Đọc : giọng vui, khoẻ khoắn, dứt khoát, thể hiện tư thế ung dung tự tại, tinh thần dũng cảm của tuổi trẻ trước khó khăn nguy hiểm.

- Nhịp thơ dài, câu thơ gần với văn xuôi, có vẻ lí sự. Ở khổ 6, 7 có những đoạn, những câu cần đọc với giọng tâm tình, chậm êm.

- Ngắt nhịp: 4/4; 2/6; 2/2/2 → nhịp thơ biến chuyển linh hoạt.

*** Từ khó:**

+ Bếp Hoàng Cầm: loại bếp do người anh hùng Hoàng Cầm tự chế nhằm hạn chế khói để tránh sự phát hiện của máy bay địch.

+ Tiểu đội: đơn vị gồm 12 người.

+ Chông chênh: không vững chắc

2. Tìm hiểu tác giả:

- Phạm Tiến Duật (1941-2007), quê: huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.
- Năm 1964 nhập ngũ vào binh đoàn vận tải hoạt động trên tuyến đường Trường Sơn.
- Là một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mỹ.
- Đề tài: người lính và các cô nữ thanh niên xung phong.
- Phong cách thơ sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên, tinh nghịch mà sâu sắc.

3. Tìm hiểu tác phẩm:

+ Xuất xứ: Ra đời năm 1969 nằm trong chùm thơ được tặng giải nhất cuộc thi thơ trên báo Văn nghệ năm 1969 và được đưa vào tập *Vàng trắng quảng lửa*.

+ Thể thơ: tự do.

+ Kết cấu bài thơ: Bài thơ là cảm xúc, suy nghĩ của tác giả về những chiếc xe không kính và những người chiến sĩ lái xe Trường Sơn thời đánh Mỹ.

+ Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp tự sự và miêu tả.

+ Nhan đề bài thơ:

- Làm nổi rõ hình ảnh của toàn bài: những chiếc xe không kính. Hình ảnh này là sự phát hiện thú vị của tác giả, thể hiện sự gắn bó và sự am hiểu của nhà thơ về hiện thực đời sống chiến tranh trên tuyến đường Trường Sơn.

- Thể hiện rõ hơn cách nhìn, cách khai thác hiện thực của tác giả: không chỉ viết về những chiếc xe không kính hay hiện thực của chiến tranh mà chủ yếu tác giả muốn nói về chất thơ của hiện thực ấy: chất thơ của tuổi trẻ VN dũng cảm, hiên ngang, vượt lên những thiếu thốn, gian khổ, khắc nghiệt của chiến tranh.

+ Nội dung:

- Thể hiện chất thơ vút lên từ cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh => khơi nguồn cảm hứng của bài thơ.

- Hiện thực khốc liệt thời kì chiến tranh: bom đạn kẻ thù, những con đường ra trận để lại dấu tích trên những chiếc xe không kính.

- Sức mạnh tinh thần của những người chiến sĩ – của một dân tộc kiên cường, bất khuất.

+ **Nghệ thuật:**

- Lựa chọn chi tiết độc đáo, có tính chất phát hiện, hình ảnh đậm chất hiện thực.

- Sử dụng ngôn ngữ của đời sống, tạo nhịp điệu linh hoạt thể hiện giọng điệu ngang tàng, trẻ trung tinh nghịch.

TIẾT 35: TIẾT ĐỌC SÁCH

ĐỀ TÀI: NGƯỜI LÍNH

YÊU CẦU: các em thực hiện và điền nội dung phù hợp vào bảng sau:

Thời gian đọc, thể loại sách (sách giấy, sách điện tử...)	
Tên sách, tác giả, nhà xb	
Thể loại (gắn với phương thức biểu đạt).	
Nội dung chủ đề	
Giới thiệu sách (Tóm tắt cơ bản: cốt tr; tình huống; sự việc; nhân vật;) - có thể làm video review cuốn sách. (ai, sv gì.)	
Cảm nhận cá nhân về cuốn sách (bằng nhiều hình thức: viết cảm nhận; vẽ tranh phác họa lại nội dung;)	
Thông điệp cuốn sách mang tới (bài học mà em rút ra...)	
Những cuốn sách khác (cùng chủ đề) mà em dự kiến sẽ đọc.	